

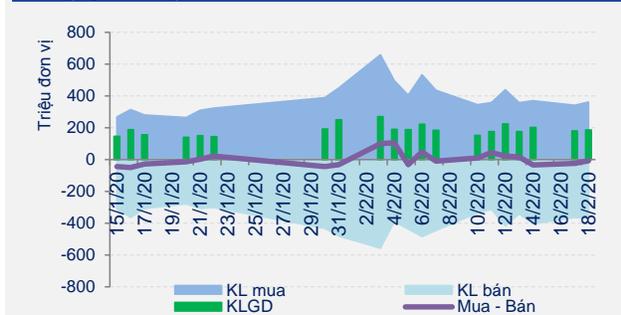
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 18/2/2020

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	927.93	110.07
% Thay đổi	↓ -0.73%	↑ 0.46%
KLGD (CP)	184,497,824	44,195,139
GTGD (tỷ đồng)	3,299.71	868.94
Tổng cung (CP)	368,869,130	58,035,600
Tổng cầu (CP)	361,061,590	57,387,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	22,929,884	941,536
KL mua (CP)	13,937,804	433,619
GTmua (tỷ đồng)	454.20	3.11
GT bán (tỷ đồng)	739.26	17.06
GT ròng (tỷ đồng)	(285.06)	(13.95)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 2.81%	12.5	2.3	3.1%
Công nghiệp	↑ 0.24%	12.5	2.3	8.5%
Dầu khí	↓ -0.58%	13.2	1.9	1.7%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.58%	16.6	4.0	4.3%
Dược phẩm và Y tế	↑ 1.25%	13.7	2.4	1.5%
Hàng Tiêu dùng	↓ -1.56%	16.3	4.3	11.3%
Ngân hàng	↑ 0.25%	11.8	2.4	39.5%
Nguyên vật liệu	↓ -0.84%	13.4	1.6	10.4%
Tài chính	↓ -1.57%	17.4	3.8	17.5%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -1.07%	12.1	2.5	2.3%
VN - Index	↓ -0.73%	14.4	3.3	96.8%
HNX - Index	↑ 0.46%	9.3	1.5	3.2%

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục giảm trong phiên hôm nay do sự sụt giảm của một số trụ cột và kết phiên với sự trái chiều trên hai chỉ số chính. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 6,84 điểm (-0,73%) xuống 927,93 điểm; HNX-Index tăng 0,5 điểm (+0,46%) lên 110,07 điểm. Thanh khoản trên hai sàn tăng nhẹ so với phiên trước đó và xấp xỉ mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 4.418 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch là 232 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 1.280 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là trung tính với 272 mã tăng, 120 mã tham chiếu, 264 mã giảm. Thị trường tăng nhẹ vào đầu phiên giao dịch; nhưng ngay sau đó, áp lực bán gia tăng khiến VN-Index giảm khá mạnh. Các cổ phiếu trụ cột tiếp tục có sự phân hóa mạnh trong phiên hôm nay với bên tăng giá, có thể kể đến như BID (+1%), FPT (+3,3%), MWG (+1,3%), CTG (+0,6%), HVN (+0,9%), PNJ (+1,6%), VPB (+1,1%), SBT (+1,9%), DHG (+1,1%), EIB (+0,3%)... và bên giảm mà tiêu biểu là nhóm Vin Group và nhóm thực phẩm đồ uống như VIC (-3,2%), SAB (-4,3%), VNM (-1,9%), GAS (-1,5%), VHM (-0,8%), VRE (-2,7%), HPG (-1,9%), PLX (-0,6%), TCB (-0,4%), NVL (-0,6%)... Trên sàn HNX, các trụ cột như ACB (+0,8%), VCS (+2,7%)... tăng giúp chỉ số HNX-Index vượt qua ngưỡng tâm lý 110 điểm.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Hai sàn kết phiên trái chiều trong phiên hôm nay với thanh khoản có sự cải thiện nhẹ nhưng vẫn chỉ ở mức trung bình và chỉ số VN-Index tiếp tục giao dịch trong vùng 920-940 điểm cho thấy diễn biến thị trường vẫn nghiêng về phân hóa và tích lũy lại là chủ yếu. Khối ngoại tiếp tục gia tăng bán ròng trên hai sàn với gần 300 tỷ đồng là một điểm nhấn tiêu cực. Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 2 giảm mạnh hơn so với chỉ số cơ sở VN30 qua đó nới rộng mức basis âm lên thành 5,71 điểm; trong bối cảnh chỉ còn 2 phiên nữa là đáo hạn thì động thái này cho thấy một sự tiêu cực khá lớn của nhà đầu tư đối với thị trường hoặc đây có thể xem là một sự định giá bất hợp lý trong ngắn hạn và sẽ sớm được căn chỉnh trong phiên tới. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 19/2, VN-Index có thể sẽ tiếp tục giằng co và tích lũy với biên độ trong khoảng 920-940 điểm nhằm ổn định mặt bằng giá mới sau đợt sụt giảm trước đó. Những nhà đầu tư đã trading thành công vòng trước đó (mua vào trong phiên 3/2 và 4/2 khi thị trường test vùng hỗ trợ 900-920 điểm và chốt lời khi thị trường test vùng kháng cự 940-950 điểm trong phiên 7/2 và phiên 12/2) có thể tiếp tục áp dụng chiến lược mua thấp, bán cao (buy low, sell high) với vùng hỗ trợ và kháng cự nêu trên trong giai đoạn hiện tại.

MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **18/2/2020**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 934,98 điểm. Nhưng sau đó, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số lùi xuống dưới ngưỡng tham chiếu và đã giảm mạnh dần trong phiên chiều, với mức thấp nhất trong phiên tại 926,01 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 6,84 điểm (-0,73%) xuống 927,93 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC giảm 3.500 đồng, SAB giảm 8.000 đồng, VNM giảm 2.000 đồng. Ở chiều ngược lại, BID tăng 500 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm nhẹ vào đầu phiên giao dịch sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 109,312 điểm. Từ khoảng 10h trở đi, lực cầu gia tăng giúp chỉ số vượt lên trên ngưỡng tham chiếu, với mức thấp nhất trong phiên tại 111,011 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 0,5 điểm (+0,46%) lên 110,07 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: ACB tăng 200 đồng, VCS tăng 2.000 đồng, VNR tăng 1.700 đồng. Ở chiều ngược lại, SHB giảm 100 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 285,54 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 10,1 triệu cổ phiếu. VIC là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 39,1 tỷ đồng tương ứng với 374 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là CTG với 36,1 tỷ đồng tương ứng với 1,3 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, IMP là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 8 tỷ đồng tương ứng với 133 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 13,93 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 508 nghìn cổ phiếu. NTP là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 14,2 tỷ đồng tương ứng với 486 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là HDA với 688 triệu đồng tương ứng với 81 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, TIG là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 646 triệu đồng tương ứng với 94,5 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ - ĐẦU TƯ

Nikkei: Ngành hàng không sẽ thiệt hại 5 tỷ USD trong quý 1 vì coronavirus

Tác động của coronavirus COVID-19 đang được cho là "lớn hơn SARS" khi 70 hãng hàng không dừng tất cả các tuyến bay đến Trung Quốc, theo Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tiếp tục giảm trong phiên giao dịch hôm nay nhưng chỉ số hiện vẫn nằm trong vùng tích lũy 920-940 điểm, khối lượng khớp lệnh tăng nhẹ so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên với 164 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 945 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tiêu cực với ngưỡng kháng cự tại 955 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, VN-Index vận động trong thị trường giá xuống (bear market) với ngưỡng kháng cự tại 975 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 19/2, VN-Index có thể sẽ tiếp tục giằng co và tích lũy với biên độ trong khoảng 920-940 điểm nhằm ổn định mặt bằng giá mới sau đợt sụt giảm trước đó.

HNX-Index:



HNX-Index tăng nhẹ trong phiên giao dịch hôm nay và chỉ số hiện kết phiên ngay trên ngưỡng tâm lý 110 điểm, khối lượng khớp lệnh xấp xỉ so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên với 28,5 triệu cổ phiếu. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 105,5 điểm (MA20). Tín hiệu kỹ thuật trung hạn là tích cực với ngưỡng hỗ trợ tại 103,5 điểm (MA50). Về xu hướng dài hạn, HNX-Index hiện vận động trong thị trường giá lên (bull market) với ngưỡng hỗ trợ tại 104 điểm (MA200). Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 19/2, HNX-Index có thể sẽ tiếp tục giằng co và rung lắc quanh ngưỡng tâm lý 110 điểm nhằm tạo một mặt bằng giá mới sau nhịp tăng trước đó.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng

Tại thời điểm 15 giờ, vàng SJC tại DOJI được niêm yết ở mức 44,35 - 44,55 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), tăng 230.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 130.000 đồng/lượng ở chiều bán ra.

Tỷ giá trung tâm giảm 4 đồng

Ngày 18/2, Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ ở mức: 23.214 đồng (giảm 4 đồng).

TIN THẾ GIỚI

Giá vàng thế giới tăng

Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới tăng 4,35 USD/ounce tương ứng với 0,27% lên 1.590,75 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng

Tính tới 15 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,147 điểm tương ứng 0,15% lên 99,150 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,0826 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,2980 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 109,75 JPY.

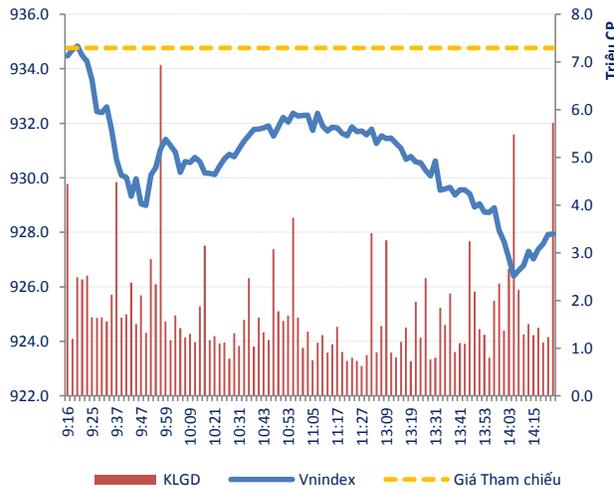
Giá dầu thế giới giảm

Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,7 USD tương ứng 1,34% xuống 51,62 USD/thùng.

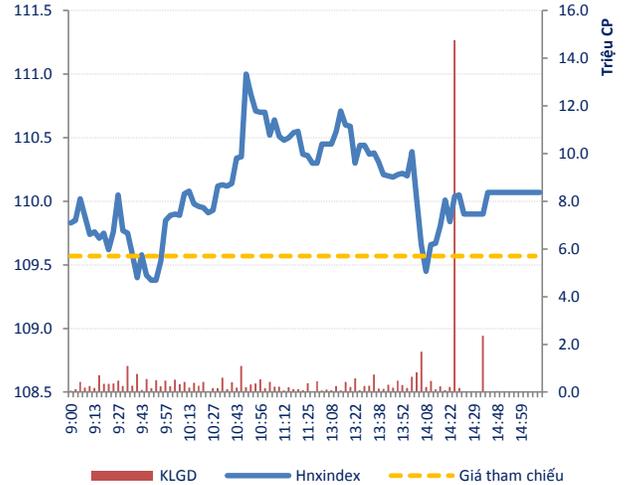
**Chứng khoán Mỹ nghỉ lễ
Washington's Birthday**

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



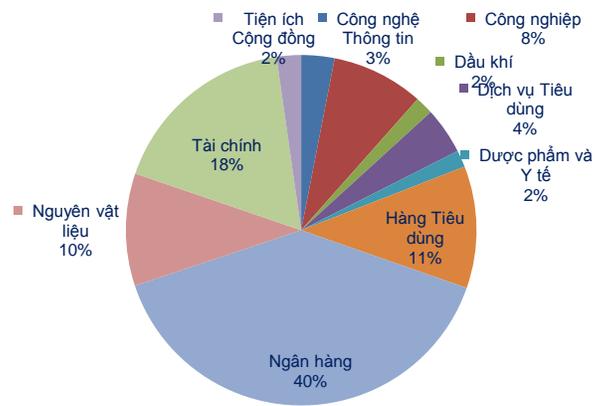
KLGD và HNX-Index trong phiên



Biến động giá phân theo nhóm Ngành



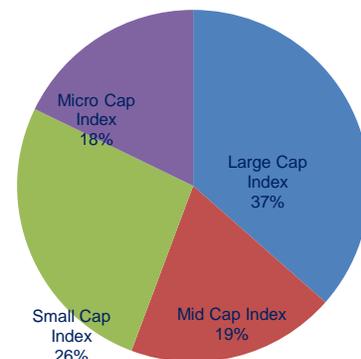
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ITA	197,590	CTG	1,336,470
2	HSG	135,040	NBB	841,180
3	IMP	132,580	NVL	613,830
4	SBT	127,610	POW	555,640
5	TDH	126,100	DLG	530,980

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TIG	94,500	NTP	486,336
2	CSC	12,700	HDA	81,000
3	SD4	11,700	SHS	50,000
4	AMV	9,900	VBC	19,700
5	NBC	8,800	SDT	7,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SCR	5.26	5.59	↑ 6.27%	9,049,620
STB	11.65	11.55	↓ -0.86%	8,502,440
VPB	27.10	27.40	↑ 1.11%	8,359,640
DLG	1.95	1.94	↓ -0.51%	7,991,400
HPG	23.75	23.30	↓ -1.89%	7,456,030

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ACB	26.40	26.60	↑ 0.76%	20,936,742
SHB	7.40	7.30	↓ -1.35%	4,430,071
NVB	8.90	8.90	→ 0.00%	1,954,800
TIG	6.70	6.80	↑ 1.49%	1,269,064
ART	2.40	2.50	↑ 4.17%	1,188,528

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CFPT1906	0.64	0.82	0.18	↑ 28.13%
CFPT1905	3.63	4.22	0.59	↑ 16.25%
CMWG200	1.03	1.17	0.14	↑ 13.59%
CFPT2001	1.12	1.25	0.13	↑ 11.61%
CFPT1908	2.13	2.33	0.20	↑ 9.39%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VIG	0.80	0.90	0.10	↑ 12.50%
DST	0.80	0.90	0.10	↑ 12.50%
QNC	2.00	2.20	0.20	↑ 10.00%
VNR	17.10	18.80	1.70	↑ 9.94%
TBX	22.50	24.70	2.20	↑ 9.78%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CVNM1906	0.78	0.45	-0.33	↓ -42.31%
CVIC1903	0.64	0.47	-0.17	↓ -26.56%
CVNM1902	0.19	0.14	-0.05	↓ -26.32%
CVRE1904	0.51	0.41	-0.10	↓ -19.61%
CVIC1902	5.70	4.65	-1.05	↓ -18.42%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HKB	0.70	0.60	-0.10	↓ -14.29%
SPI	0.90	0.80	-0.10	↓ -11.11%
TTT	51.50	46.40	-5.10	↓ -9.90%
VCM	46.80	42.20	-4.60	↓ -9.83%
DIH	17.30	15.60	-1.70	↓ -9.83%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	9,049,620	6.2%	776	7.2	0.4
STB	8,502,440	3250.0%	1,361	8.5	0.8
VPB	8,359,640	21.5%	3,377	8.1	1.6
DLG	7,991,400	3.0%	350	5.5	0.2
HPG	7,456,030	17.0%	2,719	8.6	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	20,936,742	24.6%	3,685	7.2	1.6
SHB	4,430,071	14.0%	1,676	4.4	0.6
NVB	1,954,800	1.1%	114	78.0	0.8
TIG	1,269,064	10.8%	1,448	4.7	0.6
ART	1,188,528	7.5%	844	3.0	0.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CFPT190↑	28.1%	N/A	N/A	N/A	N/A
CFPT190↑	16.3%	N/A	N/A	N/A	N/A
MWG200↑	13.6%	N/A	N/A	N/A	N/A
CFPT200↑	11.6%	N/A	N/A	N/A	N/A
CFPT190↑	9.4%	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VIG↑	12.5%	-11.6%	(701)	-	0.2
DST↑	12.5%	0.1%	7	123.3	0.1
QNC↑	10.0%	86.0%	2,149	1.0	0.7
VNR↑	9.9%	9.5%	2,198	8.6	0.8
TBX↑	9.8%	-0.6%	(98)	-	1.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	197,590	0.9%	106	22.1	0.2
HSG	135,040	9.0%	1,157	7.0	0.6
IMP	132,580	10.6%	3,287	18.5	1.9
SBT	127,610	4.9%	589	36.7	1.7
TDH	126,100	6.2%	1,649	6.2	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TIG	94,500	10.8%	1,448	4.7	0.6
CSC	12,700	1.0%	163	214.1	2.6
SD4	11,700	6.0%	1,051	3.8	0.2
AMV	9,900	33.1%	5,768	3.0	0.9
NBC	8,800	6.3%	813	8.0	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	353,464	6.8%	2,225	47.0	4.6
VCB	331,574	25.0%	4,991	17.9	3.9
VHM	282,898	37.7%	6,367	13.5	5.1
BID	209,145	12.8%	2,410	21.6	2.7
VNM	183,715	37.8%	6,078	17.4	6.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	44,063	24.6%	3,685	7.2	1.6
SHB	12,814	14.0%	1,676	4.4	0.6
VCS	12,320	45.6%	8,958	8.6	3.6
VCG	10,954	8.7%	1,555	15.9	1.6
PVS	7,743	5.8%	1,529	10.6	0.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CLG	4.98	-50.0%	(4,703)	-	0.3
TSC	3.56	0.1%	9	247.2	0.2
TTB	3.12	7.0%	779	4.3	0.3
D2D	3.04	63.7%	18,411	3.2	1.6
HCM	2.83	11.7%	1,526	12.4	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
IDJ	3.53	1.9%	193	65.3	1.3
PBP	2.90	8.6%	1,113	6.6	0.6
MBG	2.39	4.6%	463	40.2	1.7
ALT	2.27	3.9%	1,449	7.6	0.3
NHP	2.22	-30.3%	(2,650)	-	0.1



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh Trung
Q.Thanh Khê, Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
